TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 413/2020/HC-PT
Ngày 30-11-2020
V/v: khiếu kiện quyết định hành chính

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tất Nam;
Các Thẩm phán: bà Phan Thị Vân Hương;
bà Lê Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: bà Vũ Thị Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 187/2020/TLPT-HC ngày 18 tháng 3 năm 2020 về khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, do có kháng cáo của người khởi bị kiện đối với Bản án số 22/2019/HC-ST ngày 03-10-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 8401/2020/QĐ-PT ngày 16-11-2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: bà Lê Thị Ch sinh năm 1950 và ông Cao Trung Tr sinh năm 1947; đều trú tại: khối 9, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Bà Ch, có mặt. Ông Tr có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: bà Nguyễn Phượng U sinh năm 1973, trú tại: số 3395 PTH, phường 7, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

2. Người bị kiện:

- Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện hợp pháp: ông Lê Sỹ C - Phó Chủ tịch (theo ủy quyền), có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện hợp pháp: ông Nguyễn Xuân T - Chủ tịch, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tháng 10/2016, thực hiện dự án quy hoạch phân lô đất ở dân cư tại khối 9, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An, Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố V đã có quyết định thu hồi đất thửa số 264 tờ bản đồ 23 diện tích toàn thửa là 13017,5 m^2, thửa số 245 tờ bản đồ số 22 diện tích toàn thửa 831,9 m^2, thửa số 261 tờ bản đồ số 23 diện tích 90,3 m^2; thửa số 255 tờ bản đồ số 23 diện tích 63,3 m^2; thửa số 258 tờ bản đồ số 23 diện tích toàn thửa 4222,8 m^2. Bà Lê Thị Ch và ông Cao Trung Tr cho rằng ông bà đang sử dụng thửa số 264 tờ bản đồ 23 diện tích 200 m^2, thửa số 245 tờ bản đồ số 22 diện tích 200 m^2; thửa số 261 tờ bản đồ số 23 diện tích 90,3 m^2; thửa số 255 tờ bản đồ số 23 diện tích 63,3 m^2; thửa số 258 tờ bản đồ số 23 diện tích 913,0 m^2 trong các thửa đất bị thu hồi nhưng gia đình không được nhận quyết định thu hồi đất, không được bồi thường, hỗ trợ về đất. Sau tìm hiểu mới biết do UBND phường Q xác định không đúng nguồn gốc, quá trình và hiện trạng sử dụng đất. Gia đình đã có đơn xin xác nhận nguồn gốc quá trình sử dụng đất nhưng không được giải quyết và có đơn khiếu nại. Chủ tịch UBND phường Q đã ban hành Quyết định số 302/QĐ- UBND ngày 29-9-2017 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) và Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 2473/QĐ-UBND ngày 27-4-2018 về việc giải quyết khiếu nại (lần 2) nhưng không được chấp nhận.

Ngày 09-10-2018, bà Lê Thị Ch và ông Cao Trung Tr làm đơn khởi kiện vụ án hành chính với nội dung:

+ Yêu cầu hủy Quyết định số 2473/QĐ-UBND ngày 27-4-2018 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị Ch, ông Cao Trung Tr.

+ Yêu cầu hủy quyết định hành chính liên quan là Quyết định số 302/QĐ-UBND ngày 29-9-2017 của Chủ tịch UBND phường Q về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu);

+ Buộc UBND phường Q xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng đất thửa số 264 tờ bản đồ 23 diện tích 200 m^2 (trong diện tích toàn thửa là 13017,8 m^2), thửa số 245 tờ bản đồ số 22 diện tích 200 m^2 (trong tổng diện tích toàn thửa là 831,9 m^2); thửa số 261 tờ bản đồ số 23 diện tích 90,3 m^2; thửa số 255 tờ bản đồ số 23 diện tích 63,3 m^2; thửa số 258 tờ bản đồ số 23 diện tích 913,0 m^2 (trong toàn thửa là 4222,8 m^2) tại khối 9, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An cho gia đình ông, bà

+ Yêu cầu lập phương án bồi thường, hỗ trợ thửa số 264 tờ bản đồ 23 diện tích 200 m^2, thửa số 245 tờ bản đồ số 22 diện tích 200 m^2; thửa số 261 tờ bản đồ số 23 diện tích 90,3 m^2; thửa số 255 tờ bản đồ số 23 diện tích 63,3 m^2; thửa số 258 tờ bản đồ số 23 diện tích 913,0 m^2 cho gia đình ông, bà.

Lý do khởi kiện: thửa số 264 tờ bản đồ 23 diện tích 200 m^2, thửa số 245 tờ

bản đồ số 22 diện tích 200 m^2; thửa số 261 tờ bản đồ số 23 diện tích 90,3 m^2; thửa số 255 tờ bản đồ số 23 diện tích 63,3 m^2; thửa số 258 tờ bản đồ số 23 diện tích 913,0 m^2 tại khối 9, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An do gia đình khai hoang năm 1976, đến năm 1979 nhập vào HTX sản xuất chung, năm 1992, hợp tác xã HĐ II chia đất lâu dài và thực hiện chính sách bù rút, năm 1994 không thực hiện chính sách bù rút nữa nên gia đình vẫn sử dụng đất và nộp sản lượng đầy đủ, quá trình sử dụng ổn định vào mục đích đất nông nghiệp không tranh chấp với ai, đến năm 2011 do làm đường L bị ngập nên không sản xuất. Tháng 10/2016, thực hiện dự án quy hoạch phân lô đất ở dân cư, UBND thành phố V đã có quyết định thu hồi toàn bộ thửa đất. Thửa số 264 tờ bản đồ 23 diện tích 200 m^2, thửa số 245 tờ bản đồ số 22 diện tích 200 m^2; thửa số 261 tờ bản đồ số 23 diện tích 90,3 m^2; thửa số 255 tờ bản đồ số 23 diện tích 63,3 m^2; thửa số 258 tờ bản đồ số 23 diện tích 913,0 m^2 của gia đình sản xuất nằm trong tổng diện tích đất bị thu hồi nhưng do UBND phường Q xác định không đúng nguồn gốc, quá trình và hiện trạng sử dụng đất nên gia đình không được bồi thường, hỗ trợ về đất là không đúng khoản 2 Điều 77 Luật đất đai năm 2013.

Phía người bị kiện trình bày: sau khi nhận được đơn khiếu nại của bà Lê Thị Ch và ông Cao Trung Tr đối với Quyết định số 302/QĐ-UBND ngày 29-9-2017 của Chủ tịch UBND phường Q về việc giải quyết khiếu nại lần đầu. UBND thành phố V đã tiến hành thành lập đoàn kiểm tra xác minh giải quyết khiếu nại. Liên quan đến việc bà Lê Thị Ch và ông Cao Trung Tr yêu cầu xác nhận gia đình bà là chủ sử dụng đất thửa số 264 tờ bản đồ 23 diện tích 200 m^2, thửa số 245 tờ bản đồ số 22 diện tích 200 m^2; thửa số 261 tờ bản đồ số 23 diện tích 90,3 m^2; thửa số 255 tờ bản đồ số 23 diện tích 63,3 m^2; thửa số 258 tờ bản đồ số 23 diện tích 913,0 m^2 được giao khoán ổn định từ năm 1992 đến thời điểm thu hồi đất năm 2016 là không có cơ sở. Trong sổ khoán hộ xã viên đội 1, HTX NN II lập năm 1992 (sổ tổng do đội trưởng lưu trữ, lập) không thể hiện việc đội sản xuất, HTX có giao khoán các thửa đất mà gia đình bà Ch có khiếu nại mà chỉ thể hiện thửa 258 tờ bản đồ 23 là thửa đất xứ vật liệu thuộc quỹ đất dự phòng của HTX HĐ II và Đội cho một số hộ trong đó có hộ gia đình ông Cao Trung Tr (chồng bà Ch) mượn để sản xuất, các thửa khác không thể hiện trong sổ giao khoán. Tại hồ sơ đo đạc năm 2001 và bảng thống kê diện tích, loại đất chủ sử dụng đất theo hiện trạng, sổ mục kê đất đai năm 2001 thể hiện thửa 245 tờ bản đồ 22, các thửa 255; 264 thuộc tờ bản đồ số 23 là đất nghĩa địa và các thửa đất số 258; 261 tờ bản đồ số 23 là đất mặt nước chuyên dùng và đất hoang bằng, trước năm 2005 do UBND xã HĐ quản lý, từ năm 2005 đến nay do UBND phường Q quản lý, không giao cho ai sử dụng. Tại thời điểm thu hồi đất, trích lục đo vẽ bổ sung bản đồ địa chính khu đất được Sở tài nguyên và môi trường phê duyệt ngày 07-4-2015 thể hiện thửa 245 tờ bản đồ số 22, các thửa 255; 264 thuộc tờ bản đồ số 23 là đất nghĩa địa (NTD) và các thửa đất số 258, tờ bản đồ số 23 là đất có mặt nước chuyên dùng (MNC) và thửa 261 tờ bản đồ 23 là đất hoang bằng (HG/b).

Gia đình bà Lê Thị Ch không cung cấp được giấy tờ, tài liệu quy định tại Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ để chứng

minh gia đình ông Tr, bà Ch được giao khoán và sử dụng ổn định liên tục từ năm 1992 đến thời điểm thu hồi đất.

Từ năm 2011, bà Ch, ông Tr cũng không sản xuất trên các thửa đất trên. Cho nên Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 2473/QĐ-UBND ngày 27-4-2018 về việc giải quyết khiếu nại (lần 2) là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và có căn cứ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Đại diện UBND phường Q và Chủ tịch UBND phường Q trình bày: về nguồn gốc các thửa đất mà bà Ch khởi kiện qua kiểm tra hồ sơ và kết quả xác minh thì: thửa số 261 tờ bản đồ số 23 diện tích 90,3 m^2 thể hiện trên bản đồ địa chính 2001 là đất Hg/b (hoang/bằng). Thửa số 258 tờ bản đồ số 23 diện tích cả thửa này là 4222,8 m^2 thể hiện trên bản đồ địa chính 2001 là đất MN/Hg (mặt nước hoang) thuộc quỹ đất dự phòng (bù rút) của HTX HĐ cho các hộ gia đình mượn để sản xuất trước năm 1993 (do các hộ gia đình này đã nhận đủ đất giao khoán theo quy định và có nhu cầu sản xuất thêm nên HTX cho mượn. Thửa số 255 tờ bản đồ số 23 diện tích 63,3 m^2 thể hiện trên bản đồ địa chính 2001 là đất NĐ (nghĩa địa). Thửa đất 245 tờ bản đồ 22 tổng diện tích cả thửa này là 831,9 m^2, thể hiện trên bản đồ địa chính 2001 là đất NĐ (nghĩa địa). Thửa 264 tờ bản đồ 23 tổng diện tích 13017,5 m^2 thể hiện trên bản đồ địa chính 2001 là đất NĐ (nghĩa địa). Nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất các các thửa nêu trên không được Hợp tác xã giao khoán, không có trong sổ giao khoán tổng của HTX và sổ giao khoán của gia đình. Từ năm 2011 sau khi làm đường L thì ngập úng và hộ gia đình bà Ch, ông Tr không sản xuất, hiện trạng là bỏ hoang.

Về thủ tục và trình tự ban hành quyết định thì UBND phường Q đã làm đúng chức năng và nhiệm vụ của mình nên phía người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên ý kiến không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ch và ông Cao Trung Tr. Do đó, UBND phường Q không xác nhận nguồn gốc, thời điểm, quá trình sử dụng đất cho bà Lê Thị Ch, ông Cao Trung Tr; Chủ tịch UBND phường Q vẫn giữ nguyên nội dung Quyết định số 302/QĐ- UBND ngày 29-9-2017 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) và đồng ý với quan điểm của Chủ tịch UBND thành phố V.

Tại Bản án số 22/2019/HC-ST ngày 03-10-2019, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 3 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính; Điều 17, Điều 18, Điều 31, Điều 40 Luật khiếu nại; căn cứ khoản 2 Điều 101, Điều 22, khoản 2 Điều 77, Điều 204 Luật đất đai năm 2013; Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ, quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ch, ông Cao Trung Tr đề nghị hủy:

- Quyết định số 2473/QĐ-UBND ngày 27-4-2018 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị Ch, ông Cao Trung Tr trú tại khối 9, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An (lần 2).

- Quyết định số 302/QĐ-UBND ngày 29-9-2017 của Chủ tịch UBND

phường Q về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) và buộc UBND phường Q xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng đất thửa số 264 tờ bản đồ 23 diện tích toàn thửa là 13017,5 m^2, thửa số 245 tờ bản đồ số 22 diện tích toàn thửa 831,9 m^2, thửa số 261 tờ bản đồ số 23 diện tích 90,3 m^2; thửa số 255 tờ bản đồ số 23 diện tích 63,3 m^2; thửa số 258 tờ bản đồ số 23 diện tích toàn thửa 4222,8 m^2 tại khối 9, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An; buộc lập phương án bồi thường, hỗ trợ thửa số 264 tờ bản đồ 23 diện tích toàn thửa là 13017,5 m^2, thửa số 245 tờ bản đồ số 22 diện tích toàn thửa 831,9 m^2, thửa số 261 tờ bản đồ số 23 diện tích 90,3 m^2; thửa số 255 tờ bản đồ số 23 diện tích 63,3 m^2; thửa số 258 tờ bản đồ số 23 diện tích toàn thửa 4222,8 m^2 cho gia đình bà Lê Thị Ch, ông Cao Trung Tr.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14-10-2019, bà Lê Thị Ch và ông Cao Trung Tr có đơn kháng cáo đề nghị xem xét chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông, bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện kháng cáo và người đại diện theo ủy quyền vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị xem xét các tình tiết về nguồn gốc các thửa đất bị thu hồi, về quá trình sử dụng đất, lý do trở ngại khi các hộ không thể sử dụng được liên tục, về loại đất, hồ sơ, sổ sách trong việc quản lý đất đai …để chấp nhận yêu cầu khởi kiện, bảo đảm quyền lợi của người sử dụng đất theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa có ý kiến, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ch, ông Cao Trung Tr là đúng pháp luật; do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về đối tượng khởi kiện và thời hiệu khởi kiện: đây là vụ án khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính.

Ngày 09-10-2018, bà Lê Thị Ch, ông Cao Trung Tr khởi kiện vụ án hành chính với nội dung yêu cầu hủy Quyết định số 2473/QĐ-UBND ngày 27-4-2018 của Chủ tịch UBND thành phố V, là trong thời hiệu khởi kiện theo điểm a khoản 3 Điều 116 Luật tố tụng hành chính. Đối với Quyết định số 302/QĐ-UBND ngày 29-9-2017 của Chủ tịch UBND phường Q về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu); hành vi hành chính không xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, đều đã hết thời hiệu khởi kiện nhưng là quyết định hành chính và hành vi hành chính liên quan nên có căn cứ xem xét theo quy định. Tòa án nhân dân tỉnh

Nghệ An thụ lý, giải quyết là đúng pháp luật.

[2]. Xem xét tính hợp pháp của quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khởi kiện, xét thấy:

Đối với Quyết định số 2473/QĐ-UBND ngày 27-4-2018 của Chủ tịch UBND thành phố V.

- Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành: sau khi bà Lê Thị Ch có đơn khiếu nại không đồng ý với Quyết định số 302/QĐ-UBND ngày 29-9-2017 của Chủ tịch UBND phường Q về việc giải quyết khiếu nại lần đầu, Chủ tịch UBND thành phố V đã thành lập đoàn kiểm tra, xác minh giải quyết khiếu nại, trên cơ sở báo cáo của Đoàn kiểm tra xác minh, Chủ tịch UBND thành phố V đã ban hành Quyết định số 2473/QĐ-UBND ngày 27-4-2018 về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 21, khoản 2 Điều 40 Luật khiếu nại và Điều 204 Luật đất đai năm 2013.

- Về cơ sở pháp lý: tại Quyết định số 2473/QĐ-UBND ngày 27-4-2018 của Chủ tịch UBND thành phố V có nội dung công nhận và giữ nguyên Quyết định số 302/QĐ-UBND ngày 29-9-2017 của Chủ tịch UBND phường Q về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu). Quyết định số 302/QĐ - UBND ngày 29-9-2017 có nội dung bà Lê Thị Ch và ông Cao Trung Tr khiếu nại UBND phường Q xác nhận nguồn gốc đất của ông, bà là một phần thửa số 264 tờ bản đồ 23 diện tích toàn thửa là 13017,5 m^2, thửa số 245 tờ bản đồ số 22 diện tích toàn thửa 831,9 m^2, thửa số 261 tờ bản đồ số 23 diện tích 90,3 m^2; thửa số 255 tờ bản đồ số 23 diện tích 63,3 m^2; thửa số 258 tờ bản đồ số 23 diện tích toàn thửa 4222,8 m^2 là khiếu nại sai.

Về diện tích thửa số 264 tờ bản đồ 23 diện tích 200 m^2, thửa số 245 tờ bản đồ số 22 diện tích 200 m^2; thửa số 261 tờ bản đồ số 23 diện tích 90,3 m^2; thửa số 255 tờ bản đồ sổ 23 diện tích 63,3 m^2; thửa số 258 tờ bản đồ số 23 diện tích 913,0 m^2 tại khối 9, phường Q, bà Lê Thị Ch, ông Cao Trung Tr cho rằng gia đình bà được giao khoán, sử dụng ổn định liên tục từ năm 1992 đến khi thu hồi đất, xét thấy:

Hồ sơ quản lý đất đai thể hiện:

+ Một phần thửa số 261 tờ bản đồ số 23 diện tích 90,3 m^2 thể hiện trên bản đồ địa chính 2001, sổ mục kê là đất Hg/b (Hoang/bằng). Nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất không được Hợp tác xã giao khoán, không có trong sổ giao khoán tổng của HTX và sổ giao khoán của gia đình. Hiện trạng sử dụng đất: đang bỏ hoang do ngập úng.

+ Một phần thửa số 258 tờ bản đồ số 23 diện tích cả thửa này là 4222,8 m^2 thể hiện trên bản đồ địa chính 2001 là đất MN/Hg (mặt nước hoang). Nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất theo xác minh thuộc quỹ đất dự phòng (bù rút) của HTX HĐ cho các hộ gia đình mượn để sản xuất trước năm 1993 (do các hộ gia đình này đã nhận đủ đất giao khoán theo quy định và có nhu cầu sản xuất thêm nên HTX cho mượn). Kể từ năm 1994 thì HTX không thực hiện bù rút số diện

tích này nữa nhưng không giao khoán cụ thể cho các hộ; do đó, các hộ gia đình vẫn tiếp tục sử dụng đến năm 2011 thì các hộ không sản xuất nữa. Hiện trạng sử dụng đất: đang bỏ hoang do ngập úng.

+ Một phần thửa số 255 tờ bản đồ số 23 diện tích 63,3 m^2 thể hiện trên bản đồ địa chính 2001 là đất NĐ (nghĩa địa). Nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất không được Hợp tác xã giao khoán, không có trong sổ giao khoán tổng của HTX và sổ giao khoán của gia đình. Hiện trạng sử dụng đất: đang bỏ hoang do ngập úng.

+ Một phần thửa số 245 tờ bản đồ 22 tổng diện tích cả thửa là 831,9 m^2, thể hiện trên bản đồ địa chính 2001 là đất NĐ (nghĩa địa). Nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất không được Hợp tác xã giao khoán, không có trong sổ giao khoán tổng của HTX và sổ giao khoán của gia đình. Hiện trạng sử dụng đất: đang bỏ hoang do ngập úng.

+ Một phần thửa đất số 264 tờ bản đồ 23 tổng diện tích 13017,5 m^2 thể hiện trên bản đồ địa chính 2001 là đất NĐ (nghĩa địa). Nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất không được Hợp tác xã giao khoán, không có trong sổ giao khoán tổng của HTX và sổ giao khoán của gia đình. Hiện trạng sử dụng đất: đang bỏ hoang do ngập úng.

Trước năm 2005 do UBND xã HĐ quản lý, từ năm 2005 đến nay do UBND phường Q quản lý, không giao cho ai sử dụng.

Theo xác minh thì Hợp tác xã không giao khoán, không có trong sổ khoán tổng và sổ khoán của gia đình. Năm 1993, hộ bà Ch, ông Tr có sử dụng trồng một vụ lúa cùng một số hộ khác đến năm 2011 nhưng không đăng ký việc sử dụng đất và không thực hiện nghĩa vụ tài chính. Thửa đất trên không thể hiện trong sổ giao khoán hộ xã viên đội 1 Hợp tác xã nông nghiệp lập năm 1992. Bà Lê Thị Ch, ông Cao Trung Tr cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất 264 tờ bản đồ số 23 diện tích sử dụng 200 m^2, thửa số 245 tờ bản đồ số 22 diện tích là 200 m^2, thửa số 261 tờ bản đồ số 23 diện tích 90,3 m^2, thửa số 255 tờ bản đồ số 23 diện tích 63,3 m^2, thửa số 258 tờ bản đồ số 23 diện tích 913 m^2. Từ năm 2011 đến khi thu hồi đất năm 2016, bà Lê Thị Ch, ông Cao Trung Tr không còn sản xuất trên thửa đất đó. Toàn bộ thửa đất bỏ hoang. Cho nên, việc bà Lê Thị Ch, ông Cao Trung Tr yêu cầu xác nhận gia đình ông, bà được giao khoán ổn định thửa đất 264 tờ bản đồ số 23 diện tích sử dụng 200 m^2, thửa số 245 tờ bản đồ số 22 diện tích là 200 m^2, thửa số 261 tờ bản đồ số 23 diện tích 90,3 m^2, thửa số 255 tờ bản đồ số 23 diện tích 63,3 m^2, thửa số 258 tờ bản đồ số 23 diện tích 913 m^2 tại khối 9, phường Q là không có căn cứ. Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 2473/QĐ- UBND ngày 27-4-2018 về việc giải quyết khiếu nại là đúng quy định tại khoản 2 Điều 101; khoản 4 Điều 22; khoản 2 Điều 77 Luật đất đai năm 2013 và Điều 21 Nghị định 43/2013/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ.

Đối với quyết định hành chính và hành vi hành chính liên quan

Bà Lê Thị Ch, ông Cao Trung Tr có đơn yêu cầu UBND phường Q xác

nhận nguồn gốc đất bị thu hồi thực hiện dự án quy hoạch phân lô đất ở dân cư để được bồi thường nhưng không được UBND phường Q chấp nhận nên có khiếu nại hành vi xác nhận nguồn gốc đất không đúng. Chủ tịch UBND phường Q sau khi kiểm tra, xác minh nội dung khiếu nại, trên cơ sở báo cáo của đoàn xác minh khiếu nại, Chủ tịch UBND phường Q đã ban hành Quyết định số 302/QĐ-UBND ngày 29-9-2017 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) đối với bà Ch, ông Tr là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo Điều 204 Luật đất đai năm 2013; Điều 17 và Điều 31 Luật khiếu nại.

Về nội dung: tại Quyết định số 302/QĐ-UBND ngày 29-9-2017 về việc giải quyết khiêu nại (lần đầu) có nội dung " Điều 1: bà Lê Thị Ch, ông Cao Trung Tr ...khiếu nại Ủy ban nhân dân phường Q xác nhận nguồn gốc đất của ông, bà ở một phần thửa số 264 tờ bản đồ 23 diện tích toàn thửa là 13017,5 m^2, thửa số 245 tờ bản đồ số 22 diện tích toàn thửa 831,9 m^2, thửa số 261 tờ bản đồ số 23 diện tích 90,3 m^2; thửa số 255 tờ bản đồ số 23 diện tích 63,3 m^2; thửa số 258 tờ bản đồ số 23 diện tích toàn thửa 4222,8 m^2 là khiếu nại sai".

Diện tích thửa số 264 tờ bản đồ 23 diện tích toàn thửa là 13017,5 m^2, thửa số 245 tờ bản đồ số 22 diện tích toàn thửa 831.9 m^2, thửa số 261 tờ bản đồ số 23 diện tích 90,3 m^2; thửa số 255 tờ bản đồ số 23 diện tích 63,3 m^2; thửa số 258 tờ bản đồ số 23 diện tích toàn thửa 4222,8 m^2 không được Hợp tác xã giao khoán, không có trong sổ giao khoán Hợp tác xã và sổ giao khoán của gia đình. Tại thời điểm thu hồi đất, thửa đất bà Ch, ông Tr yêu cầu đang bỏ hoang. Việc bà Lê Thị Ch, ông Cao Trung Tr xác nhận nguồn gốc sử dụng đất là do khai hoang và hiện trạng không còn sản xuất. Do đó, UBND phường Q không chấp nhận khiếu nại của bà Lê Thị Ch yêu cầu xác định nguồn gốc 280 m^2 đất của thửa số 264 tờ bản đồ 23 diện tích toàn thửa là 13017,5 m^2, thửa số 245 tờ bản đồ số 22 diện tích toàn thửa 831,9 m^2, thửa số 261 tờ bản đồ số 23 diện tích 90,3 m^2; thửa số 255 tờ bản đồ số 23 diện tích 63,3 m^2; thửa số 258 tờ bản đồ số 23 diện tích toàn thửa 4222,8 m^2 tại khối 9, phường Q để được lập phương án bồi thường, hỗ trợ là có căn cứ, đúng quy định tại khoản 2 Điều 101; khoản 4 Điều 22; khoản 2 Điều 77 Luật đất đai năm 2013 và Điều 21 Nghị định 43/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

Với các lý do trên, xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định bác yêu cầu khởi kiện của ông Cao Trung Tr, bà Lê Thị Ch là đúng pháp luật. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

[3]. Về án phí: bà Ch, ông Tr là người cao tuổi, nên được miễn án phí theo quy định.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bác kháng cáo của bà Lê Thị Ch, ông Cao Trung Tr và giữ nguyên quyết định của Bản án số 22/2019/HC-ST ngày 03-10-2019 của Tòa án

nhân dân tỉnh Nghệ An.

2. Miễn án phí phúc thẩm cho bà Ch, ông Tr.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THA dân sự tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, PHCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tất Nam

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Cục THA dân sự tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, PHCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tất Nam